

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Nhân và bà Hoàng Thị Thiện Lai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 364/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025, về việc “tranh chấp về ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 19/07/1995, số căn cước công dân 087195016235; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp; có văn bản xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu C, sinh ngày 02/02/2000, số căn cước công dân 089200020419; địa chỉ: ấp T, xã C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Hữu C qua thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý cho tiến đến hôn nhân và tổ chức lễ cưới. Chúng bà T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 133, cấp ngày 18 tháng 10 năm 2024. Sau khi kết hôn và chung sống với nhau có được 01 đứa con. Trong thời gian chung sống, ông C đi làm nhưng chỉ lo cho bản thân, tụ tập chơi bời không có trách nhiệm với vợ con, không biết quan tâm, chăm sóc cho vợ con. Bà T đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông C không chịu sửa đổi, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn với nhau

không thể tự hòa giải được. Bà T không chịu đựng được nữa nên đã về quê sinh sống, không còn sống với ông C. Hôn nhân không níu kéo được nữa nên quyết định ly hôn. Nay bà T yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang giải quyết cho bà T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu C. Về con chung: Bà T và ông C có 01 con chung, tên là Nguyễn Ngọc Tâm Đ, sinh ngày 31/3/2025. Hiện nay, con đang sống với bà T tại Tổ A, ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Tâm Đ đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng: Bà T yêu cầu ông Nguyễn Hữu C cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật đến khi trưởng thành. Về tài sản chung: không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung. Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu C không gửi ý kiến cho Tòa án, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với ông Nguyễn Hữu C. Ông C có nơi cư trú trên địa bàn xã C, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bà Nguyễn Thị Cẩm T, có đơn xin vắng mặt; ông Nguyễn Hữu C đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Hữu C là hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà sống không hợp nhau, theo nguyên đơn trình bày là do thời gian chung sống, ông C đi làm nhưng chỉ lo cho bản thân, tụ tập chơi bời không có trách nhiệm với vợ con, không biết quan tâm, chăm sóc cho vợ con. Bà T đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông C không chịu sửa đổi, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn với nhau không thể tự hòa giải được. Hội đồng xét xử thấy rằng bà T xin ly hôn với ông C, bà T, ông C sống chung với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, chính vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho nên Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T xác định vợ chồng có 01 con chung, tên là Nguyễn Ngọc Tâm Đ, sinh ngày 31/3/2025. Hiện nay, con đang sống với bà T. khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, con chung, đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Ngọc Tâm Đ cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông Nguyễn Hữu C cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật đến khi trưởng thành. Căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, được hướng dẫn theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/12/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Hội đồng xét xử áp dụng mức cấp dưỡng nuôi con bằng một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cho nên Tòa án cần buộc ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng số tiền là 1.850.000đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, ông Nguyễn Hữu C phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T.

1) Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Cẩm T ly hôn với ông Nguyễn Hữu C.

2) Về con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Ngọc Tâm Đ, sinh ngày 31/3/2025.

Buộc ông Nguyễn Hữu C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tâm Đ, sinh ngày 31/3/2025, định kỳ hàng tháng số tiền là 1.850.000đồng (Bằng chữ: Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo các trường hợp quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Thị Cẩm T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Hữu C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3) Về tài sản chung và về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

4) Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007997 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp đủ.

Buộc ông Nguyễn Hữu C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng)

5) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11-An Giang;;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Cù Lao Giêng, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng

